

BƯỚC NGOẶT 1876 CỦA THƯ VIỆN ĐẠI HỌC MỸ

NGUYỄN HUY CHƯỜNG^(*)

Từ cuối thế kỷ XIX, Hoa Kỳ trở thành một trong những nước công nghiệp hàng đầu trên thế giới. Vai trò đó được duy trì suốt thế kỷ XX, và cho đến tận ngày nay, người ta cũng khó mà tìm được đầy đủ những cơ sở để dự báo là nước này sẽ đánh mất vai trò đó ít nhất là trong một tương lai gần. Đó là một sự thật.

Nếu tạm gác vấn đề khuynh hướng hệ tư tưởng chính trị và những giá trị nhân văn trong gia tài văn hóa của người Mỹ, mà chỉ kể đến kết quả là một nền kinh tế khổng lồ của nước Mỹ sau hơn 200 năm lập quốc, người ta có thể rút ra được nhiều bài học về việc hoạch định các chiến lược quốc gia. Ở đây chúng tôi chỉ xin đề cập đến vấn đề giáo dục bậc cao và cũng chỉ nói tới một phần của vấn đề đó, đó là lĩnh vực thư viện đại học Mỹ ở bước ngoặt lịch sử năm 1876.

Nước Mỹ ra đời vào năm 1776 như kết quả của cuộc chiến tranh giải phóng khỏi sự phụ thuộc vào nước Anh về mặt chính trị. Tuy nhiên, những trường đại học cùng với thư viện của chúng trên đất Mỹ đã ra đời trước đó hơn 100 năm, nếu lấy mốc 1636, thời điểm ra đời của trường đại học đầu tiên, Đại học Harvard. Không kể văn hóa của cư dân

bản địa tiền Colombo, văn hóa Mỹ, đặc biệt là giáo dục bậc cao, lúc đầu là sự tiếp nối truyền thống châu Âu, bởi nó được chuyển sang lục địa Bắc Mỹ cùng với những dân nhập cư chủ yếu từ các dân tộc châu Âu, ít nhất là ở các thế kỷ XVI, XVII, XVIII. Một đặc điểm rất đáng kể ở những dân nhập cư này là thái độ trân trọng đối với sách. Những tủ sách gia đình theo chân họ từ châu Âu tới đất Mỹ chính là những cội nguồn đầu tiên của thư viện trên vùng đất mới này. Hầu như tất cả sách của các thư viện đầu tiên ở Mỹ đều do các cá nhân hay tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo... biếu tặng. Thư viện Trường Đại học Harvard là một ví dụ điển hình. Gần 300 cuốn sách đầu tiên của thư viện chính là quà tặng của người sáng lập nhà trường, ông John Harvard. Nguồn bổ sung sách cho các thư viện cũng chủ yếu là quà biếu của các cá nhân và các tổ chức nói trên trong hơn một thế kỷ tiếp theo kể từ khi các thư viện đầu tiên ra đời.

Bước ngoặt lịch sử năm 1876 của ngành Thư viện đại học Mỹ là kết quả của sự hình thành và phát triển của

^(*) TS., Giám đốc Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ngành này trong hơn một thế kỷ. Nhưng chính xác hơn thì phải nói rằng đó là kết quả của một tập quán tốt ở đông đảo người Mỹ, tập quán quý trọng tri thức, khao khát tri thức, lại được đặt trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp được bắt đầu từ trước cuộc Nội chiến 1861.

Trước thời điểm này, giáo dục đại học ở Mỹ về cơ bản giống như nền giáo dục đại học cổ điển ở châu Âu. Nói chung, nền giáo dục ấy còn tách rời thực tiễn, hay nói cho đúng hơn thực tiễn công nghiệp chưa đòi hỏi gì nhiều ở nó. Các môn học được coi trọng nhất là thần học, nghệ thuật tự do, văn học cổ, triết học, y học và luật học (chủ yếu là luật La Mã). Sản phẩm của nền giáo dục đó là những trí thức không quan tâm tới đời sống sản xuất, nặng óc kinh viện, tách khỏi các tầng lớp khác trong dân cư. Sinh viên cũng xuất thân chủ yếu từ tầng lớp trung lưu trở lên. Các giai cấp lao động bị gạt ra bên lề hoạt động giáo dục, nhất là giáo dục đại học.

Điều đặc biệt là sự lạc hậu của công nghệ giáo dục. Công việc giảng dạy chủ yếu là đọc thoại và học thuộc lòng: Thầy giảng, trò ghi, rồi học thuộc lòng và trả bài qua các kỳ kiểm tra. Với cung cách này thì quá khứ thống trị hiện tại và nhà trường không phải là nơi đào tạo ra những con người năng động sáng tạo.

Nhưng thực tiễn luôn luôn cao hơn lý luận, luôn biết tự mở cho mình con đường chân lý. Thực tiễn nước Mỹ lại là một thực tiễn sôi động. Đến vùng đất mới, dân nhập cư ở bất kỳ thời nào đều là những người đã dứt khỏi cái nôi truyền thống. Chế độ quý tộc trung cận đại châu Âu và các di sản của nó bị vứt lại Lục địa cổ. Dân nhập cư phải đối

mặt với thực trạng "tồn tại hay không tồn tại" và hành động là triết lý căn bản của người Mỹ. Những tham vọng cọ sát với nhau, và mỗi người, mỗi tầng lớp, mỗi nhóm cư dân chỉ trụ nổi trên vùng đất Mỹ nếu hành động thành công. Thực tiễn Mỹ đã tạo nên một trạng thái xã hội thường trực đón nhận những cơ hội phát triển. Và cơ hội đầu tiên trong lịch sử Mỹ, đó là cuộc cách mạng công nghiệp vào giữa thế kỷ XIX.

Engels từng nói đại ý rằng sự thúc đẩy khoa học phát triển của thực tiễn sản xuất có sức mạnh gấp hàng trăm lần các trường đại học. Điều này hoàn toàn đúng đối với bước chuyển biến của nước Mỹ khi cách mạng công nghiệp ra đời. Những quan hệ bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa với sự thống trị của quy luật giá trị là động lực trực tiếp cho hoạt động tìm kiếm những phát minh sáng chế. Trong thập kỷ 60 của thế kỷ XIX, kỹ thuật điện báo đã có mặt ở những vùng xa xôi khắp nước Mỹ. Năm 1876 chiếc máy điện thoại của Alexander Graham Bell được trưng bày. Máy chữ được ra đời năm 1867, máy in trực lô có thể in 240.000 tờ báo 8 trang trong 1 giờ ra đời vào năm 1886, máy tính số vào năm 1888. Tiếp đó là bóng đèn điện của Thomas Edison, máy hát của Thomas Edison và máy chiếu phim của George Eastman... Tất cả đã tạo ra một trình độ khác về chất cho nền sản xuất và cho đời sống xã hội. Đến lượt mình, những hoạt động này lại thúc đẩy những nghiên cứu cơ bản. Hai khu vực của nền sản xuất tinh thần này thường xuyên tác động qua lại với nhau tạo nên bước ngoặt của lịch sử đại học Mỹ nói chung, Thư viện đại học Mỹ nói riêng.

Những trường đại học đầu tiên thay đổi phương pháp đào tạo là Đại học

John Hopkin, Đại học Harvard, Đại học Princeton... Thực ra, đây là một cuộc cách tân sâu sắc đối với hoạt động đào tạo đại học, lấy phương pháp làm đòn bẩy cơ bản. Linh hồn của phương pháp này là tự do để dạy (Lefreiheit) và tự do để học (Lehrfreiheit). Bài giảng của giáo viên không còn là nguồn duy nhất, và trong nhiều trường hợp thậm chí không còn là nguồn chủ yếu tạo dựng nên tri thức của sinh viên. Hoạt động khảo sát của cá nhân được coi là có tầm quan trọng hàng đầu.

Thành công của những trường đại học đi đầu trong cải cách giáo dục bậc cao nhanh chóng gây ảnh hưởng tới các trường đại học khác ở Mỹ. Những vị hiệu trưởng với cá tính mạnh mẽ, nghị lực và bản lĩnh đã đẩy nhanh tốc độ của quá trình hiện đại hóa nền đại học Mỹ. Không chỉ có Hiệu trưởng Charles Eliot của Harvard, mà còn có những nhân vật khác không kém phần nổi tiếng như Nicholas Murray Butler của Đại học Columbia, B. Angell của Đại học Michigan, Daniel Coit Gilman của Đại học John Hopkin, William Rainey Harper của Đại học Chicago... Ngành đại học Mỹ trong khoảng 20 năm từ 1868-1888 chuyển mình một cách nhanh chóng và chắc chắn, trở thành một ngành đại học năng động nhất trên thế giới thời bấy giờ. Với bước ngoặt 1876, đại học Mỹ bắt đầu có cả ba chức năng: chức năng đào tạo, chức năng nghiên cứu và chức năng dịch vụ (đúng hơn là dịch vụ phát triển) cho xã hội. Nó thực sự là một mũi nhọn tiên phong của thực tiễn xã hội.

Sự thay đổi có tính cách mạng của nền giáo dục đại học Mỹ là nguyên nhân trực tiếp tạo ra bước ngoặt cũng có tính cách mạng và toàn diện đối với Thư viện

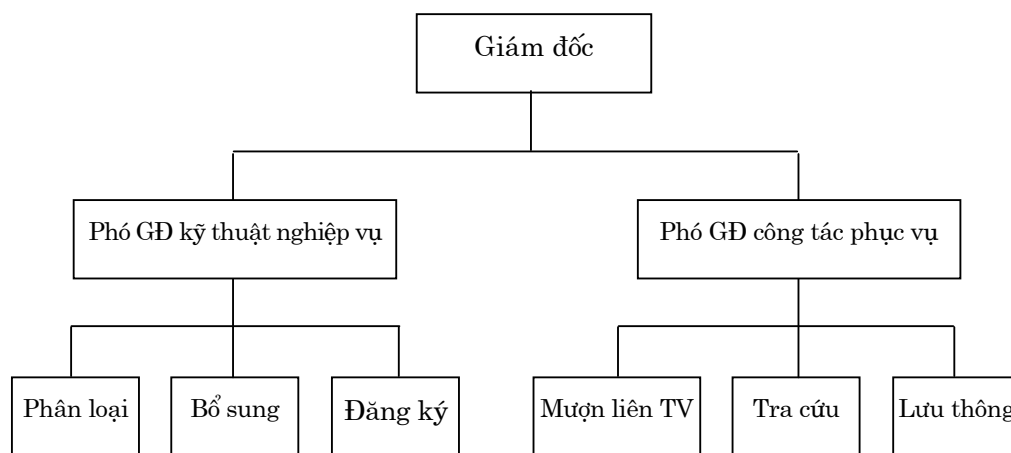
đại học Mỹ. Không có lĩnh vực nào trong toàn bộ hoạt động của Thư viện mà không thay đổi căn bản, vì nó buộc phải đáp ứng những đòi hỏi mới của những người cần thông tin đông hơn rất nhiều và nhu cầu thông tin cũng thay đổi rất nhiều. Trước hết là quy mô của những bộ sưu tập trong thư viện. Trước đó, thư viện lớn nhất là thư viện Havard cũng chỉ có bộ sưu tập với 5.000 cuốn sách. Thư viện Đại học Yale nổi tiếng và xếp thứ 2, với 4.000 cuốn. Các trường khác đều có thư viện, nhưng bộ sưu tập cũng chỉ có một vài ngàn cuốn. Tốc độ bổ sung trong hơn 100 năm sau Cách mạng 1776 vẫn còn khá chậm. Thế mà chỉ trong thời gian gần 30 năm cuối của thế kỷ XIX, các bộ sưu tập đều tăng lên rất nhanh, đạt tới quy mô rất đồ sộ vào thời đó. Năm 1900, Thư viện Harvard đã có 976.000 cuốn sách, tiếp đó là Thư viện Đại học Columbia với 345.000 cuốn, Thư viện Đại học Yale 309.000, Thư viện Đại học Chicago 303.000. Các thư viện tuy chưa đạt tới quy mô lớn như trên, nhưng cũng đã có các bộ sưu tập trên dưới 50.000 cuốn sách, tức là gấp trên dưới 10 lần quy mô của thư viện lớn nhất trước đó 100 năm.

Cơ cấu các bộ sưu tập cũng đã có thay đổi rất căn bản. Trước cách mạng công nghiệp, sách trong thư viện chủ yếu là về triết học, Luật La Mã, Kinh thánh, văn học cổ, ngôn ngữ cổ... Nhưng từ nửa cuối thế kỷ XIX, các loại sách về các ngành khoa học tự nhiên như Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa chất, Y học, Toán học ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu sách của các bộ sưu tập. Trong cơ cấu bổ sung, những loại sách đó cũng có tỷ lệ ngày càng lớn. Những chuyển mua sách từ châu Âu ngày càng tăng về số lượng và quy mô. Chỉ kể

riêng chuyển mua sách vào năm 1868 của Trường Đại học Vermont, số sách đã là 7.000 cuốn. Năm 1887, Thư viện Đại học Cornell được đích thân Tổng thống Mỹ thời đó, ông Andrew White tặng 20.000 cuốn sách. Đến năm 1891, thư viện lại được nhận một món quà khổng lồ khác của ngài Henry W. Sage với 300.000 USD dành vào việc mua sách cho thư viện.

Chịu ảnh hưởng của thực tiễn công nghiệp hóa, thư viện ngày càng hoàn thiện phương pháp quản lý quan liêu. Phương thức này khi đó có tác dụng tập trung hoạt động thư viện theo một tư tưởng thống nhất, nhằm nhanh chóng

tăng cường quy mô và năng lực phục vụ của thư viện. Trong chế độ quan liêu đó, tất cả các bộ phận của thư viện đều răm rắp tuân thủ những mệnh lệnh của ban lãnh đạo, không tính tới những đặc thù của bộ phận và phong cách cá nhân của người phục vụ. Nó làm cho thư viện có đầy đủ sức mạnh bút phá khỏi những khó khăn cụ thể, hướng tới việc thực hiện những mục tiêu chiến lược: Nhanh chóng trưởng thành và hướng vào chuẩn hóa. Từ ngày ấy, cơ cấu tổ chức của thư viện đã đạt tới hình thức khá hoàn thiện, với sơ đồ tổ chức khái lược sau đây:



Chính nhờ sức ép ngày càng lớn từ số lượng to lớn của các bộ sưu tập và khối lượng công việc phục vụ, tần số mượn - trả của sách báo ngày càng tăng, một cuộc cách mạng trong phân loại tư liệu nói riêng và nghiệp vụ thư viện nói chung đã diễn ra, gắn liền với tên tuổi của nhà thư viện học nổi tiếng Melvil Dewey. Những tư tưởng và hoạt động của Dewey trong lĩnh vực thư viện có tính cách mạng, kể từ những thao tác tưởng như bình thường, như thời gian mở cửa của thư viện được tăng lên từ 10 đến 84 giờ trong một tuần, cho sinh viên

được lấy sách trên giá sách, phát minh hệ thống thẻ để định vị tài liệu, thuyết trình về sử dụng thư viện, lập một khu vực riêng trong thư viện để dành cho việc thảo luận, đặt hòm thư để độc giả góp ý cho thư viện... cho đến bảng phân loại DDC nổi tiếng của ông. Trước Dewey, sách trong thư viện được phân loại theo vị trí cố định, hiểu theo ý nghĩa vật lý, tức là vị trí của sách trên giá sách. Vị trí này không thể giữ nguyên từ tòa nhà này sang tòa nhà khác, và càng khó khăn hơn mỗi khi phải bổ sung. Sau khi nghiên cứu tình

hình ở hơn 50 thư viện, Dewey đã sáng tạo ra hệ thống phân loại thập phân. Theo phương pháp này, sách được sắp xếp theo chủ đề. Ví dụ, lấy số 2 để phân loại tất cả các sách thuộc khoa học xã hội, 2.3 là sách về kinh tế học, 2.3.5. là sách về kinh tế đối ngoại... và cứ như vậy mà phân loại chi tiết hơn. Cuốn sách "Phân loại và chỉ loại đề mục cho công tác biên mục và sắp xếp sách của một thư viện" của ông chỉ có 42 trang nhưng đã thực sự tạo nên một bước ngoặt căn bản trong nghiệp vụ thư viện.

Năm 1876 được kể tới như một bước ngoặt căn bản còn vì một lý do quan trọng khác, đó là sự ra đời của Hiệp hội các Thư viện Mỹ (ALA). Chính Melvil Dewey là người sáng lập hiệp hội này, và là chủ tịch của tổ chức đó nhiều năm. Trước hết, nó khẳng định Thư viện là một nghề quan trọng trong xã hội Mỹ, thông qua đó, nó cũng khẳng định tinh thần coi trọng tri thức, coi trọng sách của người Mỹ, và cũng có nghĩa người Mỹ coi tri thức, trí tuệ là chỗ dựa, động lực hết sức quan trọng đối với sự nghiệp phát triển quốc gia. Sau ALA, những tổ chức nghề nghiệp thư viện lần lượt ra đời như Hội Thư viện đại học Mỹ, Hội Thư viện nghiên cứu Mỹ... Những tạp chí nghiệp vụ cũng được xuất bản, phản ánh hoạt động thư viện thường kỳ trong toàn quốc, phổ biến nghiệp vụ, giúp cho các hoạt động trao đổi tài liệu, thông tin, hoạt động hỗ trợ nhau giữa các thư viện, đào tạo nghiệp vụ... Có thể nói, từ cái mốc 1876 trở đi, hoạt động thư viện ở Mỹ luôn luôn đứng đầu thế giới cả về quy mô, công nghệ, nghiệp vụ và tác động ngày càng tích cực hơn vào lĩnh vực đào tạo bậc cao ở nước này. Công cuộc công nghiệp hóa của Mỹ càng phát triển thì giáo dục Mỹ nói chung và giáo dục bậc cao Mỹ nói riêng càng được hiện

đại hóa. Tính hiện đại này không chỉ được bộc lộ qua bản chất duy lý có khuynh hướng cực đoan hóa như ở châu Âu, mà qua biểu hiện cao hơn, đó là tính thực tiễn. Chính thực tiễn công nghiệp hóa, bắt nguồn từ đòi hỏi nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm là mệnh lệnh tối cao của thực tiễn kinh tế thị trường. Mệnh lệnh này ở một xã hội như xã hội Mỹ bao giờ cũng nghiêm khắc hơn, khẩn thiết hơn, bởi nó là chuyện sống còn đối với mỗi nhà sản xuất.

Người ta có thể nhận ra một hiệu ứng dây chuyền từ quy mô quốc gia của Mỹ trong hệ thống toàn cầu nửa cuối thế kỷ XIX cho đến sự phát triển nhảy vọt của ngành Thư viện đại học Mỹ. Tây Âu, sau này là cả Nhật Bản, luôn luôn là đối thủ cạnh tranh ngang ngửa với Mỹ. Nước Mỹ bị buộc phải chiếm lấy và duy trì vị trí hàng đầu trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là trong giai đoạn Đế quốc chủ nghĩa. Phải trở thành và duy trì thường xuyên vai trò nền kinh tế công nghiệp hàng đầu, đó là lựa chọn duy nhất. Muốn vậy thì phải có một đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ hàng đầu thế giới, và đội ngũ này lại phải luôn luôn được tái tạo ra. Không bỏ qua con đường rút chất xám từ các nước khác, nước Mỹ vẫn nhận ra rằng đào tạo bậc cao là giải pháp chiến lược. Đó phải là một nền đào tạo bậc cao tiên tiến, hiện đại, tự biến đổi và phát triển không ngừng. Phương thức "tự do" đặc thù của Mỹ đã tỏ ra là một liều thuốc công hiệu. Tự do sáng tạo của hàng triệu chuyên gia đã trở thành một nguồn tài nguyên vô giá của nước Mỹ. Nó làm cho nghiên cứu khoa học trở thành một bộ phận hữu cơ của công nghệ đào tạo, và năng động sáng tạo trở thành một chất tố có tính bản chất

trong công nghệ đó. Đến lượt mình, công việc nghiên cứu khoa học lại đòi hỏi một cơ sở không thể thiếu, điều kiện nhất định phải có, đó là tri thức, thông tin, một hệ thống tri thức thông tin sống động, đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu nghiên cứu như một dạng nguyên liệu tinh của nền sản xuất tinh thần gắn liền với sản xuất xã hội. Vì vậy, nghề thư viện ở Mỹ mới có vai trò quan trọng đến thế. Bước ngoặt 1876 chính là điểm khởi phát ngoạn mục, thời điểm bắt đầu quá trình phát triển cho đến nay còn đang tiếp tục của nước Mỹ, trong đó, ngành Thư viện ngày càng phát triển, hoàn thiện và đứng đầu thế giới xét về tất cả các khía cạnh của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Chương. Thư viện Đại học Mỹ - một số cải cách chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo. *Tạp chí Khoa học, Khoa học Xã hội*, 1999, T.XV (4), tr. 1-6.
2. Brubacher J. S. Higher education in Transition: History of American colleges and university, 1636-1976. New York: Harper and Row, 1976.
3. Budd John. The Academic Library, Colorado: Libraries Unlimited, Inc., 1998.
4. DeVinney Gemma. Academic Librarians and Academic Freedom in the United States: A history and analysis. *Libri*, Vol 36 (1), pp. 24-39, 1986.
5. Edelman Hendrik, Marvin Tatum G. Jr. The Development of Collections in American University Libraries, *College and Research Libraries*, 1976.
6. Forest James, Kinser Kevin. Higher Education in the United State: an Encyclopedia. New York: ABC-CLIO, 2002.
7. Hamlin Arthur T.. The University Library in the United States : its origins and development. Philadelphia: University of Pennsylvania Press, 1981.
8. <http://www.wla.lib.wi.us/waal/infolit/links.html>
9. Jones Jr., Plummer Alston. The History and Development of Libraries in American Higher Education. *College & Research Libraries News* Vol.5 (7), pp. 561-564, 1989.
10. Kent Allen, Lancour Harold. College Libraries. *Encyclopedia of Library and Information Science*, Vol.5, pp. 269-281, 1971.
11. McMullen Haynes. American Libraries before 1876. *Greenwood Press* (6), pp. 104-113, 2001.
12. Shores Louis. *Origins of the American College Library 1638-1800*. New York: Barnes & Noble, Inc., 1935.
13. The History of Academic Libraries in the United States, <http://www.webpages.uidaho.edu/~mbolin/weiner.htm>
14. Sharon Gray Weiner. The History of Academic Libraries in the United States: a Review of the Literature. *Library Philosophy and Practice* Vol. 7 (2), 2005.